

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/01/2021

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Ó và bà Lê Thị Bổng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 04/01/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bạc Thị A, sinh năm 1989, cư trú tại bản K, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Bạc Văn B, sinh năm 1986, cư trú tại bản K, xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, bản tự khai chị Bạc Thị A đều trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Bạc Văn B ngày 10/02/2010 tại UBND xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, do hai bên tự nguyện tìm hiểu và sống hòa thuận được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống hằng ngày, hai bên gia đình và chính quyền bản đã giải quyết nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm và trách nhiệm gì với nhau, chị A yêu cầu ly hôn anh Bạc Văn B.

Quá trình chung sống đã có với nhau 01 con chung là Bạc Thị Ngọc T, sinh ngày 27/8/2007, chị A yêu cầu anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung, tài riêng, nợ chung, nợ riêng không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai anh Bạc Văn B trình bày: Anh kết hôn với chị Bạc Thị A ngày 10/02/2010 tại UBND xã T, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, do hai người tự nguyện tìm hiểu và chung sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, gia đình hai bên và chính quyền bản K đã giải quyết nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi, nhưng vì con cái nên anh B mong muốn được đoàn tụ, trường hợp chị A kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bạc Thị Ngọc T, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ, các phiên hòa giải và vắng mặt phiên tòa xét xử, vì lý do công việc đi làm xa nhà không thể có mặt để tham gia phiên tòa, đề nghị xem xét, giải quyết như yêu cầu trong bản tự khai.

Đơn đề nghị của cháu Bạc Thị Ngọc T: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Bạc Văn B.

Tại phiên tòa chị Bạc Thị A, không bổ sung hoặc rút yêu cầu, giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh B, đồng thời nhất trí với yêu cầu của anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Ngọc T, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia phiên tòa đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình, giải quyết cho chị Bạc Thị A ly hôn anh Bạc Văn B.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Bạc Thị Ngọc T, sinh ngày 27/8/2007 cho anh Bạc Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chấp nhận anh B không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Chị A phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định vụ án yêu cầu ly hôn giữa nguyên đơn là chị Bạc Thị A và bị đơn là anh Bạc Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, các nội dung yêu cầu trong đơn đề nghị xem xét, giải quyết cụ thể, rõ ràng, không cần phải xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ bổ sung. Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành việc xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bạc Thị A và anh Bạc Văn B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình không hợp, thường xuyên to tiếng với nhau trong cuộc sống hằng ngày, gia đình hai bên và chính quyền bản nơi cư trú đã giải quyết nhiều lần, nhưng tình cảm anh chị vẫn không có chuyển biến tích cực, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau.

Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa anh B vẫn mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu chị A kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy mức độ mâu thuẫn giữa chị A và anh B không còn khả năng hàn gắn để duy trì cuộc sống chung lâu dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xem xét, giải quyết cho chị A được ly hôn anh B.

[3]. Về con chung: Tại phiên tòa chị A nhất trí với yêu cầu của anh B được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Bạc Thị Ngọc T từ khi sinh ra cho đến nay vẫn ở ổn định với anh Bạc Văn B và ông bà nội, mặt khác cháu Ngọc T có đơn yêu cầu được ở với bố là anh Bạc Văn B. Để đảm bảo cho con chưa thành niên sinh sống ổn định, được chăm sóc và phát triển về mọi mặt, cần giao cháu Ngọc T cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời cần chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung, nợ riêng không có, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bạc Thị A phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều khoản áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

2. Xử tuyên: Chị Bạc Thị A ly hôn anh Bạc Văn B.

3. Về con chung: Giao cháu Bạc Thị Ngọc T, sinh ngày 27/8/2007 cho anh Bạc Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bạc Thị A phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số AA/2019/693 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS H. Phù Yên;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Ngọc Thông